

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 393/2025/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Trần Bình T**, sinh năm 1971; CCCD số: 037071000024

Địa chỉ: Thôn Phú M, xã V, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Chị **Trần Thị Bích Th**, sinh năm 1979; CCCD số: 001179047705

Địa chỉ: Thôn Phú M, xã V, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Bình T và chị Trần Thị Bích Th.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Trần Bình T và chị Trần Thị Bích Th có 02 con chung là Trần Tường V, sinh ngày 27/02/2013 và Trần Trung K, sinh ngày 27/7/2019. Theo nguyện vọng của cháu V được sống chung cùng chị Th nên anh T và chị Th thỏa thuận

giao cháu V và cháu K cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu V và cháu K đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có Quyết định thay đổi khác của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu V và cháu K đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Trần Bình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: Chị Th và anh T không yêu cầu giải quyết

Về tài sản riêng: Hai bên xác định không có.

2.3. Về án phí: Anh Trần Bình T tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí anh Trần Bình T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0015104 ngày 05/11/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 9- Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 9 - Hà Nội;
- UBND xã V, TP Hà Nội (GCNKH số 26/2012, Quyết số 01/2010, ĐK ngày 26/04/2012 của UBND xã Phú L, huyện Nho Q, NB, cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Thưởng